

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

Mẫu số 52-DS theo NQ số 01/2017/NQ-HĐTP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lô Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Đức và bà Phan Thị Duê

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị H. Sinh năm 1991.

Trú tại: Bản M C, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lê Thái D. Sinh năm 1989.

Trú tại: Bản M C, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A.

Vắng mặt (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Lê Thái D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 24/7/2017 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì chị H và anh D về chung sống cùng gia đình bố mẹ của chị H là ông Lương Văn T và bà Lang Thị H tại bản M C, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng không còn tình cảm và không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị Lương Thị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Thái D.

- Về quan hệ con cái: Chị Lương Thị H và anh Lê Thái D có hai người con chung là Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 29/6/2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 26/4/2017, ngoài ra chị H không có con riêng và vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện nay cả hai người con chung đang sinh sống cùng với chị H và bố mẹ của chị H tại bản M C, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình nộp đơn khởi kiện chị H yêu cầu được giao nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu anh Lê Thái D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 31/7/2024 chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đó là yêu cầu được giao nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Mỹ N và giao con chung là Lê Ngọc D cho anh D nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản và nợ: Chị Lương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai được lập vào ngày 30/7/2024 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Thái D trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Anh D và chị Lương Thị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C H, huyện Q C, tỉnh N A vào ngày 24/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với bố, mẹ đẻ của chị H. Theo anh D thì quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì, lý do chị H trình bày trong đơn ly hôn là không đúng. Vào đầu năm 2024 anh D đi ra tỉnh Bắc Ninh nơi chị H làm thuê thì bắt gặp chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Từ đó đến nay mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn thường xuyên gọi điện, nhắn tin hỏi thăm nhau. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay lại đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì bản thân anh D cũng chấp nhận.

- Về quan hệ con cái: Anh D và chị H có hai người con chung đúng như chị H đã trình bày. Ngoài ra vợ chồng không nhận nuôi con nuôi và bản thân anh D không có con riêng. Nếu ly hôn, anh D đề nghị được giao nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Ngọc D và giao con chung là Lê Thị Mỹ N cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản và nợ: Anh Lê Thái D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị H và anh Lê Thái D đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lê Thái D; đề nghị giao con chung là Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 29/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành, giao con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 26/4/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký thường trú tại bản M C, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về giao nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu thay đổi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Lê Thái D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, nay chị H không còn quan tâm hay còn tình cảm với anh D nữa, vì vậy chị H nhất quyết ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh D vắng mặt không có lý do, sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh D mới có mặt tại Tòa án và trình bản thân do đi làm thuê ở tỉnh Hà Tĩnh nên không trực tiếp nhận được giấy triệu tập của Tòa án, mọi văn bản tố tụng của Tòa án đều do người nhà nhận thay, mặc dù đã được người nhà thông báo cho anh D biết nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D đã không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án đúng thời gian quy định, anh D có ý kiến đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, chị H đề nghị Tòa án không tiến hành thêm thủ tục hòa giải nữa vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Thấy rằng, chị H và anh D đã có một thời gian sống ly thân, trong thời gian ly thân thì bản thân anh D cũng thừa nhận chị H có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, điều này cũng đã chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị H và anh D không còn hạnh phúc nữa, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lê Thái D, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con cái: Chị Lương Thị H và anh Lê Thái D có hai người con chung là Lê Thị My N, sinh ngày 29/6/2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 26/4/2017. Quá trình nộp đơn khởi kiện, chị H yêu cầu được giao nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu anh Lê Thái D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đó là đề nghị được giao nuôi dưỡng cháu N và giao cháu D cho anh D nuôi dưỡng. Anh D cũng đề nghị được giao nuôi dưỡng cháu D và đề nghị giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung đều có

nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, việc giao nuôi dưỡng con chung chưa thành niên xuất phát từ việc cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để cho con có thể phát triển bình thường, ăn học, khôn lớn và trưởng thành, đồng thời cũng xem xét đến khả năng của người được giao nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của con mong muốn được ở với ai sau khi bố mẹ ly hôn. Chị H và anh D đều là lao động tự do, có sức khỏe, nơi ở và có thu nhập ổn định, việc giao cho mỗi bên được nuôi dưỡng một người con chung là phù hợp với điều kiện, khả năng thực tế cũng như ý kiến thống nhất của mỗi bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H và anh D, giao con chung là cháu N cho chị H và giao con chung là cháu D cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ: Chị Lương Thị H và anh Lê Thái D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nợ chung thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H. Cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lê Thái D.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là Lê Thị My N, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012 cho chị Lương Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành; Giao con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 cho anh Lê Thái D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Lương Thị H và anh Lê Thái D đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích chung về mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009848 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Lương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các bên đều được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND h Quỳnh Châu; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu văn phòng.

Lô Văn Linh